

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mức nước trên sông Tiền, sông Hậu lên chậm, khu vực nội đồng mức nước biến đổi chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mức nước xuống chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước lên chậm. Mức nước cao nhất ngày 16/4 ở mức phổ biến thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 20-40cm và cao hơn TBNN từ 05-20cm. Mức nước thấp nhất ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 20-35cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mức nước lên chậm, mức nước cao nhất ngày 16/4 ở mức phổ biến thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 20-30cm và cao hơn TBNN từ 15-30cm. Mức nước thấp nhất ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 10-30cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mức nước trên các sông, kênh, rạch biến đổi chậm. Mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 16/4 phổ biến thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-45cm.

- Khu vực cửa sông: Mức nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 16/4 trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức 23cm, lên 2cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mức nước trên các sông, kênh lên chậm theo triều trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mức nước trên các sông, kênh, rạch lên chậm theo triều trong những ngày tới.

- Khu vực nội đồng TGLX: mức nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm trong những ngày tới.

- Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên nhanh theo triều đến ngày 20-21/04.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên sông, kênh theo triều xâm nhập vào nội đồng.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 18/4/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch		Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BD I	BD II	BD III	16/4		15/04						17/4	18/4	19/4	20/4	21/4
					Hmax												
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	110	7	▲	-21	▼	15	▲	115	119	121	119	116
					Hmin	-33	10	▲	-25	▼	-23	▼	-29	-26	-25	-27	-31
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	115	7	▲	-25	▼	19	▲	121	125	127	125	122
					Hmin	-46	12	▲	-26	▼	-11	▼	-42	-39	-38	-40	-44
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	79	7	▲	-38	▼	-14	▼	83	86	87	85	83
					Hmin	8	15	▲	-34	▼	-13	▼	13	16	17	15	13
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	121	8	▲	-28	▼	20	▲	126	130	132	130	127
					Hmin	-38	13	▲	-30	▼	-21	▼	-34	-31	-30	-32	-36
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	132	8	▲	-26	▼	30	▲	138	142	144	142	138
					Hmin	-37	13	▲	-21	▼	10	▲	-33	-30	-29	-31	-35
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	115	7	▲	-30	▼	15	▲	121	125	127	125	122
					Hmin	-45	11	▲	-28	▼	-18	▼	-41	-38	-37	-39	-43
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	9	1	▲	-39	▼	-18	▼	10	11	12	13	12
					Hmin	-18	0	◀▶	-37	▼	-20	▼	-17	-18	-17	-18	-19
	Vĩnh Già	200	240	280	Hmax	-1	0	◀▶	-37	▼	-24	▼	0	1	2	3	2
					Hmin	-6	0	◀▶	-34	▼	-24	▼	-5	-6	-5	-6	-7
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	9	0	◀▶	-34	▼	-33	▼	10	11	12	13	12
					Hmin	2	0	◀▶	-34	▼	-33	▼	3	2	3	2	1
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	8	0	◀▶	-37	▼	-31	▼	9	10	11	12	11
					Hmin	5	1	▲	-33	▼	-26	▼	6	5	6	5	4
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	15	-1	▼	-37	▼	-29	▼	16	17	18	19	18
					Hmin	14	1	▲	-31	▼	-22	▼	15	14	15	14	13
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	9	1	▲	-43	▼	-18	▼	10	11	12	13	12
					Hmin	-15	1	▲	-40	▼	-20	▼	-14	-12	-11	-12	-13
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	23	1	▲	-44	▼	-7	▼	24	25	26	27	26
					Hmin	10	-1	▼	-39	▼	-9	▼	11	13	14	13	12
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	17	1	▲	-43	▼	-27	▼	18	19	20	21	20
					Hmin	12	1	▲	-37	▼	-20	▼	13	15	16	15	14
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	10	1	▲	-27	▼	-6	▼	11	12	13	14	13
					Hmin	1	1	▲	-24	▼	-8	▼	2	4	5	4	3
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	43	4	▲	-44	▼	-2	▼	44	45	46	47	46
					Hmin	25	0	◀▶	-41	▼	-4	▼	26	28	29	28	27
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	65	3	▲	-46	▼	3	▲	66	67	68	69	68
					Hmin	22	6	▲	-39	▼	-9	▼	23	25	26	25	24
Rạch Giá-Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	Hmax	38	3	▲	-47	▼	-11	▼	39	40	41	42	41
					Hmin	13	3	▲	-41	▼	-16	▼	14	16	17	16	15
	Tân Thành	120	150	180	Hmax	23	0	◀▶	-50	▼	-28	▼	24	25	26	27	26
					Hmin	12	1	▲	-37	▼	-22	▼	13	15	16	15	14
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	9	-1	▼	-39	▼	-18	▼	10	11	12	13	12
					Hmin	0	0	◀▶	-34	▼	-9	▼	1	3	4	3	2

Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	-3	0	◀▶	-39	▼	-29	▼	-2	-1	0	1	0
					Hmin	-15	0	◀▶	-22	▼	7	▲	-14	-12	-11	-12	-13
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	23	2	▲	-40	▼	-12	▼	28	34	41	48	50
					Hmin	-33	-5	▼	-14	▼	0	◀▶	-34	-36	-38	-40	-42

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ◀▶ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





